Chương 1. HTTT trong kinh doanh toàn cầu.

1. Tầm quan trọng của HTTT đối với doanh nghiệp ngày nay.
2. Các mục tiêu kinh doanh chiến lược mà doanh nghiệp muốn đạt được khi triển khai HTTT.
   1. Giúp doanh nghiệp vận hành xuất sắc.
   2. Tạo ra sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới.
   3. Gắn kết khách hàng, nhà cung cấp.
   4. Cải thiện việc ra quyết định.
   5. Tăng lợi thế cạnh tranh.
   6. Sự tồn tại của danh nghiệp.
3. Các dạng thông tin theo cấp quản trị và hệ thống thông tin dưới các góc nhìn khác nhau.
   1. Tác nghiệp (thấp): TPS
   2. Chiến thuật (trung): MS, DSS
   3. Chiến lược (cao): ESS, DSS
4. Ví dụ: Hãy trình bày các dạng thông tin theo cấp quản trị và hệ thống thông tin dưới góc nhìn quản trị.

Chương 2. Kinh doanh điện tử toàn cầu.

1. Toàn cầu hóa và HTTT. Các hệ thống thông tin giúp gì doanh nghiệp.
2. Đánh giá các công cụ phần mềm sử dụng cho cộng tác và làm việc nhóm. (slide 35).

Các bước đánh giá:

* 1. Những thách thức cộng tác của công ty bạn là gì?
  2. Có những loại giải pháp nào?
  3. Phân tích chi phí và lợi ích của các sản phẩm có sẵn.
  4. Đánh giá rủi ro bảo mật.
  5. Tham khảo ý kiến ​​người dùng về các vấn đề thực hiện và đào tạo.
  6. Đánh giá nhà cung cấp sản phẩm.

Phần mềm cộng tác: skype, zalo, trello,…

1. Mối quan hệ hệ thống TPS, MIS, DSS, ESS.

Đầu ra TPS -> đầu vào MIS; DSS cần nhà kho dữ liệu -> xây dựng từ dữ liệu MIS và dữ liệu bên ngoài; ESS dành cho các nhà quản trị cụ thể, dữ liệu lấy từ bên ngoài và dữ liệu trong doanh nghiệp.

1. Cách thức các hệ thống liên tổ chức giúp cải thiện hiệu suất của doanh nghiệp: SCM, CRM: cải thiện đưa ra quyết định các vấn đề liên quan khách hàng,
2. Các hệ thống cho cộng tác và kinh doanh xã hội.
3. Ví dụ: Trình bày 6 bước để đánh giá các công cụ phần mềm sử dụng cho cộng tác và làm việc nhóm. Cho ví dụ.

Chương 3. Vấn đề đạo đức và xã hội trong HTTT.

1. Công nghệ HTTT đương đại và Internet đặt ra các thách thức với bảo mật, bảo vệ quyền riêng tư, quyền sở hữu trí tuệ.
2. Các ảnh hưởng của HTTT đối với đời sống hằng ngày.

sức khỏe, phân hóa giàu nghèo, (slide gần cuối ch4).

1. Các vấn đề đạo đức, xã hội và chính trị được nêu ra do HTTT.
2. Các nguyên tắc ứng xử hướng dẫn các quyết định về đạo đức (slide 14).
3. Ví dụ:
   1. Cho một ví dụ về ra quyết định đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, nói rõ các chi phí đầu tư đi kèm với quyết định đó.
   2. Theo bạn, hệ thống thông tin ảnh hướng đến đời sống hằng ngày như thế nào?

Chương 4. Cơ sở hạng tầng CNTT và công nghệ mới.

1. Các vấn đề liên quan đến cơ sở hạ tầng CNTT.
2. Các thành phần của hạ tầng CNTT

(slide 20) trình bày chi tiết.

1. Các yếu tố trong mô hình lực lượng cạnh tranh cho đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT.

(slide 47) trình bày, ví dụ.

1. Ví dụ:
   1. Trình bày vắn tắt nội dung về các thành phần của hạ tầng CNTT. Cho ví dụ cụ thể.
   2. Cho một ví dụ về ra quyết định đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, nói rõ các chi phí đầu tư đi kèm với quyết định đó.

Hướng đầu tư hạ tầng CNTT: cho ví dụ, các chi phí nào

Các vấn đề: lỗi thời, không đáp ứng,…

Chương 5. Cơ sở dữ liệu và quản lý thông tin.

1. Vấn đề của quản lý dữ liệu trong môi trường tập tin truyền thống được giải quyết bằng hệ quản trị CSDL như thế nào.
2. Chính sách thông tin, quản trị dữ liệu và đảm bảo chất lượng dữ liệu của doanh nghiệp.
3. Các loại HTTT kinh doanh thông minh, các nhà quản trị sử dụng chúng như thế nào: MIS, DSS, ESS.
4. Các công cụ và công nghệ chính nào dùng để truy cập thông tin từ cơ sở dữ liệu.
5. Ví dụ: vấn đề quản lý các nguồn dữ liệu trong môi trường tập tin truyền thống là gì? Chúng được giải quyết bởi hệ quản trị cơ sở dữ liệu như thế nào?

Chương 7. Bảo mật HTTT (Ch8)

1. Các mối đe dọa an ninh đối với trang web.
2. Chứng cứ điện tử: Pháp y máy tính. VD.
3. Các đạo luật về thông tin thường được sử dụng ở Mỹ: Đạo luật Gramm-Leach-Bliley , Đạo luật An ninh nội địa (slide 23).
4. Luật an ninh mạng VN.
5. Ví dụ:
6. Hãy nêu tên đạo luật về thông tin liên quan đến lĩnh vực y tế thường được sử dụng tại Mỹ. Luật an ninh mạng của Việt Nam có hiệu lực từ ngày nào?

Chương 8. Một số ứng dụng trong doanh nghiệp.

1. Hệ thống ERP: hỗ trợ hoạt động nghiệp vụ doanh nghiệp. Khác với HTTT chức năng: Mỗi bộ phận có kho thông tin riêng, không chia sẻ thông tin với nhau, còn ERP thì chia sẻ. (<https://magenest.com/vi/phan-mem-erp-la-gi/#:~:text=Ph%E1%BA%A7n%20m%E1%BB%81m%20ERP%20l%C3%A0%20m%C3%B4,%C4%91%E1%BA%BFn%20t%C3%A0i%20nguy%C3%AAn%20doanh%20nghi%E1%BB%87p>.)

ERP: Làm phù hợp quy trình trên HT ERP với quy trình kinh doanh của DN: ERP có quy trình mẫu, doanh nghiệp cũng có quy trình -> map 2 cái với nhau.

1. SCM: quản lý chuỗi cung ứng, hiệu ứng Bullwhip.

2 loại

2 mô hình quản lý: Pullbased, pushbased model.

Chuỗi cung ứng toàn cầu.

1. CRM: slide 22. 3 module của CRM, ngoài ra còn 2 module: PRM: quản lý quan hệ đối tác, ERM: quản lý quan hệ employee. PRM, ERM hỗ trợ vận hành của doanh nghiệp như thế nào?

CRM vận hành (operational) khác CRM phân tích (analytical): Sự khác biệt chính là CRM hoạt động tập trung vào các quy trình đối mặt với khách hàng, trong khi CRM phân tích tập trung hơn vào việc phát triển hệ thống của tổ chức thông qua thông tin chi tiết về khách hàng. (<https://www.commence.com/blog/2020/08/15/operational-crm-vs-analytical-crm/#:~:text=The%20major%20difference%20is%20that,organization's%20systems%20through%20customer%20insights>.)

1. Ví dụ:
   1. ERP là gì và mang lại những giá trị gì cho doanh nghiệp? Nêu các thách thức doanh nghiệp chưa có ERP sẽ gặp phải trong quá trình mua và triển khai ERP.
   2. Hệ thống quản lý chuỗi cung ứng phối hợp lập kế hoạch, sản xuất và hậu cần với các nhà cung cấp như thế nào?
   3. Operational CRM khác với Analytical CRM như thế nào?

Chương 9. Thương mại điện tử.

1. Chính phủ điện tử (E-government).
2. Kinh doanh điện tử (E-business).
3. Thương mại điện tử (E-commerce).
4. Thương mại điện tử trên nền tảng di dộng (m-commerce).
5. Xây dựng sự hiện diện của một trang web TMĐT.
6. Ví dụ:
7. Chính phủ điện tử là gì? Cho ví dụ minh họa về Chính phủ điện tử.
   1. Thương mại điện tử ảnh hướng đến các giao dịch B2B như thế nào?
   2. Thương mại điện tử đã chuyển đổi makerting bằng cách nào?

Chương 10. Hỗ trợ ra quyết định.

1. Kinh doanh thông minh và phân tích (dữ liệu) kinh doanh.
2. Các yếu tố trong môi trường kinh doanh thông minh:
   1. Data from the business environment
   2. Business intelligence infrastructure
   3. Business analytics toolset
   4. Managerial users and methods
   5. Delivery platform—MIS, DSS, ESS
   6. User interface

Các thành phần của hạ tầng BI khác với các yếu tố của môi trường kinh doanh thông minh:

* CSDL
* Siêu thị Dữ liệu
* Data warehouse.

1. Các loại quyết định và quy trình ra quyết định: qđ có cấu trúc, bán cấu trúc, không cấu trúc. Quy trình ra quyết định: nhận dạng, thiết kế (thiết kế và đánh giá giải pháp), chọn lựa, triển khai, kiểm soát.
2. Hệ thống DSS: khái niệm, lợi ích, đặc điểm, thành phần.
3. Ví dụ:
   1. Kinh doanh thông minh (BI) và phân tích kinh doanh (BA) hỗ trợ ra quyết định như thế nào?
   2. Hệ thỗ trợ ra quyết định (DSS) nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định ở cấp quản trị nào?

Chương 11. Xây dựng HTTT.

1. Các hoạt động trong xây dựng một HTTT. Cho ví dụ cụ thể.
2. Thuận lợi và khó khăn khi triển khai HTTT.
3. Các phương pháp luận phát triển HTTT.
4. Các tình huống thực tế về việc doanh nghiệp phát triển các HTTT.
5. Thiết kế lại quy trình kinh doanh.
6. Ví dụ:
   1. Trình bày vắn tắt nội dung phân tích và thiết kế hệ thống trong quy trình phát triển một hệ thống thông tin theo mô hình thác nước.
   2. Phân tích các nhược điểm của phương pháp phát triển hệ thống truyền thống (theo mô hình thác nước).

Chương 12. Quản trị dự án.

1. Các hoạt động quan trọng trong quản lý dự án CNTT.
2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự thành công của một dự án CNTT.
3. Kế hoạch phòng ngừa, khắc phục rủi ro để kinh doanh liên tục.
4. Ví dụ:
   1. Các yếu tố chính nào ảnh hưởng đến sự thành công của một dự án CNTT.
   2. Việc kinh doanh bị gián đoạn sẽ gây ra rất nhiều thiệt hại cho doanh nghiệp, đặc biệt là trước các thảm họa. Vậy có những dạng thảm họa nào và giải thích?